

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/DS-ST
Ngày 17/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 16/01/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS, ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà 31, tổ 1, ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Ngọc H, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gi trình bày:

Ngày 30/11/2013, nguyên đơn có cho bị đơn bà Hoàng Ngọc H và ông Nguyễn Văn B mượn số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), có làm giấy mượn tiền và thỏa thuận khi nào cần nguyên đơn sẽ thông báo trước một tháng thì bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn số tiền trên. Ngày 29/11/2018, nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 05/01/2019 tương ứng với số tiền 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả là 218.500.000đ (hai trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý không yêu cầu bị đơn lãi suất trong thời gian tranh chấp.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Ngọc H trình bày:

Bị đơn không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước đây, nguyên đơn làm chủ ghi sổ đề, nguyên đơn có cho bị đơn đánh đề nợ tiền với cam kết khi nào trúng đề thì thanh toán tiền cho nguyên đơn. Ngày 30/11/2013, nguyên đơn có cộng lại số tiền nợ đề với bị đơn và viết giấy mượn tiền yêu cầu bị đơn ký vào. Bị đơn thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 là của bị đơn nhưng thực tế không có việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn mà đây là số tiền bị đơn đánh đề nợ của nguyên đơn, nguyên đơn đã cam kết khi nào bị đơn trúng đề thì trả tiền nhưng sau đó nguyên đơn không cho bị đơn đánh đề nữa. Do nguyên đơn vi phạm cam kết nên bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn. Ngoài ra, việc bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn là do có thời gian nguyên đơn bị bắt xử lý hình sự về tội đánh bạc (đánh đề). Nay bị đơn bà H đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) với điều kiện mỗi tháng thanh toán 1.000.000đ (một triệu đồng), không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Bị đơn ông Nguyễn Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không mượn tiền của nguyên đơn và cũng không ký tên vào chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 do nguyên đơn cung cấp. Việc giữa nguyên đơn và bị đơn bà H có quan hệ vay mượn tiền với nhau hay không thì bị đơn ông B không được biết. Bà H không thông báo cho ông B về việc vay mượn giữa bà H với nguyên đơn và bà H cũng không đem tiền vay mượn của nguyên đơn về nhà để trang trải cuộc sống gia đình. Do ông B không có vay mượn tiền của nguyên đơn nên khi nguyên đơn nhiều lần đến nhà ông B để đòi tiền thì bị ông B đuổi về, khi nguyên đơn cho bà H vay mượn tiền thì nguyên đơn cũng không thông báo cho ông B biết. Nếu nguyên đơn đồng ý cho bà Hoàng Ngọc H trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) thì ông B cam kết sẽ cùng với bà H trả nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn Hoàng Ngọc H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu lãi suất trong thời gian tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện trú tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn Hoàng Ngọc H được thực hiện vào ngày 30/11/2013 thể hiện thông qua “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 có chữ ký, dấu vân tay của bị đơn Hoàng Ngọc H, không xác định thời gian cụ thể bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn mà chỉ thỏa thuận khi nào nguyên đơn cần lấy lại số tiền đã cho bị đơn mượn thì nguyên đơn sẽ thông báo trước cho bị đơn 01 (một) tháng. Nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn đòi tiền nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn B đuổi về. Ngày 29/11/2018, nguyên đơn thông báo đòi tiền, đến ngày 21/12/2019 đại diện địa phương xác nhận sự việc nguyên đơn đã gửi thông báo đòi tiền đến bị đơn. Ngày 09/01/2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Hoàng Ngọc H và Nguyễn Văn B liên đới trả số tiền nợ gốc 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) được thể hiện thông qua “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013, không yêu cầu lãi suất trong thời gian tranh chấp. Nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn thanh toán trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

[2] Bị đơn bà Hoàng Ngọc H không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 là của bị đơn nhưng thực tế không có việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn mà đây là số tiền bị đơn đánh đề nợ của nguyên đơn chốt đến ngày 30/11/2013, nguyên đơn đã cam kết khi nào bị đơn trúng đề thì trả tiền nhưng sau đó nguyên đơn không cho bị đơn đánh đề nữa. Nay bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) với điều kiện mỗi tháng thanh toán 1.000.000đ (một triệu đồng).

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không mượn tiền của nguyên đơn và cũng không ký tên vào chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 do nguyên đơn cung cấp. Bà H không thông báo cho bị đơn về việc vay mượn giữa bà H với nguyên đơn và bà H cũng không đem tiền vay mượn của nguyên đơn về nhà để trang trải cuộc sống gia đình. Nếu nguyên đơn đồng ý cho bà H trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) thì ông B cam kết sẽ cùng với bà H trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Căn cứ để nguyên đơn khởi kiện bị đơn là “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013. Theo nội dung của giấy mượn tiền nói trên thì nguyên đơn có cho bị đơn bà Hoàng Ngọc H và ông Nguyễn Văn B mượn tổng số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, việc ký xác nhận nợ chỉ có bà H, ông B không ký xác nhận nợ, giấy mượn tiền do nguyên đơn lập. Bị đơn bà Hoàng Ngọc H thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong giấy mượn tiền là của bà H nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Bị đơn bà Hoàng Ngọc H cho rằng giữa bà và nguyên đơn không có phát sinh quan hệ vay mượn, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là số tiền nợ khi bà H đánh đề nợ nguyên đơn được chốt lại vào ngày 30/11/2013 nhưng không có chứng cứ chứng minh cho phần trình bày này, nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn bà H cũng không có yêu cầu Tòa án thu thập các chứng cứ chứng minh cho phần trình bày

của mình để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B liên đới với bị đơn bà Hoàng Ngọc H thanh toán số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn B không thừa nhận việc vay mượn tiền giữa ông B với nguyên đơn, không ký xác nhận nợ vào “Giấy mượn tiền” ngày 30/11/2013 do nguyên đơn cung cấp, không biết việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn với bà H và không thừa nhận việc bà H đem tiền vay mượn của nguyên đơn về nhà để trang trải cuộc sống gia đình. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn Nguyễn Văn B cùng với bị đơn Hoàng Ngọc H mượn của nguyên đơn số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), không chứng minh được bị đơn Hoàng Ngọc H mượn của nguyên đơn số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) để về trang trải cuộc sống gia đình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Hoàng Ngọc H, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Nguyễn Văn B.

[8] Về khoản tiền lãi phát sinh: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 185, 186, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 149, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Gi đối với bị đơn Hoàng Ngọc H, Nguyễn Văn B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn Hoàng Ngọc H phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Gi số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất trong thời gian tranh chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Nguyễn Văn B liên đới trả số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Nguyễn Thị Gi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Hoàng Ngọc H chậm trả số tiền nợ nêu trên thì bà Hoàng Ngọc H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật

Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn Hoàng Ngọc H có nghĩa vụ nộp số tiền 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Gi số tiền 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043065 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Niệm

Bùi Văn Quang

Lê Thanh Ân